

# VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN HOÀNG-PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC



Năm thứ 8 — số 85 — Ngày 29-10-49 (Mồng 8-9 Kỵ-Sửu)

Phát lịch 2512

# MỤC LỤC

Giới Đàn . . . . .	THÍCH-KIM-SƠN
Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm . . . . .	THÍCH-THIỆN-SIÊU
Luận-Học A-Đà-Na-Thức . . . . .	THÍCH-KIM SƠN
Bài-giảng Luân Hồi . . . . .	THÍCH-TRÍ-NHIỄM
Phật-giáo với giáo-dục . . . . .	HƯƠNG-THIỆN
Thơ Người Tu-Nữ . . . . .	TỔNG-ANH-NHỊ
Những mẫu chuyện đạo . . . . .	MINH-CHÂU

## TIN TỨC

*GIỚI-ĐÀN (TRƯỜNG KỶ)*: Họ-Quốc Giới-Đàn tổ-chức tại chùa Báo Quốc (Thừa Thiên) với kết quả viên-mãn, đã bế-mạc ngày 14-8 Kỷ Sửu, sau khi làm lễ Phát Độ-Điệp cho số giới-tử kê dưới đây:

- a) Tỷ-kheo 25 người
- b) Tỷ-kheo ni 16 người
- c) Sa-di 35 người
- d) Sa-di-ni 10 người
- e) Bồ-tát (ru-bà-tắc) 20 người
- g) Bồ-tát (ru-bà-di) 17 người

Trong số giới tử ấy, người ta nhận thấy quý thầy Thiện-Siêu, Thiện Minh, Thuah Thùy, Minh-Châu Giảng sư của Hội Việt nam Phật học và biên-tập-viên Báo Viên Âm thọ giới Tỷ-kheo; đạo-hữu Tôn thất Tùng, Phó-hội trưởng-Tổng-trị Sự và Chánh-Hội-trưởng Tỉnh hội Thừa Thiên cùng nhiều đạo hữu hội viên của Hội thọ giới Bồ tát và phát-tâm đốt hương đê cúng dường Phật.

# GIỚI - ĐÀN

(Trường kỳ)

THÍCH-KIM-SON

## I. Giới Đàn không phải là « ĐÀN TRÀNG ».

Một trong những ngộ nhận về GIỚI ĐÀN mà ta phải cải chính gấp, là cho GIỚI ĐÀN là một cái « đàn » như bao nhiêu đàn-tràng khác.

Nói thế không phải chúng ta phủ nhận giá trị tương đối của nghi lễ đàn tràng. Nhưng giá trị đó ở GIỚI ĐÀN chỉ áp dụng một vài phần mà thôi.

Đạo Phật vốn là Đạo từ lý thuyết cho đến cách áp dụng, rất chú trọng lối giáo dục bằng sự « huân tập », nghĩa là luyện tập tiến hóa nhân-cách bằng cách lợi dụng sự hấp thụ hoàn cảnh của các giác-quan. Cho nên Đạo Phật giáo hóa người không những bằng ngôn ngữ và văn tự. — Đây chỉ là lợi khí cuối cùng bất đắc dĩ phải dùng để giải thích những SỰ THẬT mà người ta không trực nhận nổi. Chứ Đạo Phật vốn là Đạo THỂ NGHIỆM, cho nên bắt đầu và cuối cùng bao giờ cũng dùng hình sắc và cử chỉ để giáo hóa. Bởi vì những thứ ấy biểu lộ một cách trung thành những cái chất chứa trong ý-nghĩ. Những sở đắc của ý-nghĩ mà biểu lộ ra ở hình sắc và cử chỉ là « tự thân tác chứng » (đích thân chứng minh SỰ THẬT mình đã thể nghiệm và đem ra giáo hóa người), cho nên đối phương bao giờ cũng cảm nhận một cách sâu xa, cụ thể, và thành thật; họ trực giác một cách dễ dàng những SỰ THẬT mà Đạo Phật đem lại cho họ.

Khi Đức Phật còn ở đời, trong hằng ngày và trong sự tiếp xúc với người, toàn thân và toàn cử chỉ của Ngài là hiện thân của SỰ THẬT TỐI CAO, cho nên ở đó đã toát ra những hình sắc và cử chỉ giáo hóa cho người chứng ngộ SỰ THẬT một cách thâm thiết. Không những Ngài giáo hóa người bằng hình sắc và cử chỉ (nghĩa là thân-giáo), mà còn giáo hóa người bằng ý-nghĩ, như dùng hào quang và sự hộ niệm.

Sau này những người Phật-giáo cũng truyền Đạo bằng cách áp dụng lối « giáo dục huấn tập » ấy. Cho nên mới phổ diễn giáo lý ra bằng nghi lễ, bằng uy nghi cử động, bằng kịch và nhạc.

Và GIỚI ĐÀN, vì cần một hoàn cảnh thanh tịnh trang nghiêm để gây cho giới-tử (người thọ giới) một ấn tượng đậm sâu, hầu « giới-thề » được kiên cố, nên cũng áp dụng hình thức nghi lễ mà thôi.

Nhưng tất cả nghi lễ trong GIỚI ĐÀN là biểu lộ một trường hợp trước sự chứng minh của đức TỬ PHỤ tối cao, đoàn Tăng-già người đã có giới-đức trao TINH GIỚI lại cho những người chưa có. Nó rất ít (hầu như không có) tính cách cầu nguyện sự mặc-khải, tính cách cảm thông giữa cảnh giới đen tối với cảnh giới hào quang.

Cho nên GIỚI ĐÀN tuy áp dụng nghi lễ mà không phải là một cái đàn tràng vậy.

## II. Giới Đàn không phải là trường « THI HƯƠNG »

Một ngộ nhận thứ hai mà ta cần cải chính hơn hết nữa, là cho GIỚI ĐÀN là lễ các nhà Sư thi hương. Sự ngộ nhận này nó còn sinh ra hai điều ngộ nhận rất buồn cười nữa là cho rằng phải trên đầu có đốt hương mới là người đã thọ GIỚI, và đốt hương không nổi thì người ấy thi không đậu, hay đốt chưa đầy 3 huyệt thì người ấy thi chưa đậu. Thật là những điều hiểu lầm hết sức ngây thơ và phản bội với Giới-đàn, với Phật-giáo.

Cho nên bây giờ điều cần thiết là chúng ta phải hiểu : Đốt hương không quan hệ gì đến việc «thọ giới»; và ý nghĩa của sự đốt hương là thế nào?

Mục-dịch của GIỚI ĐÀN là để truyền giới và thọ-giới, chứ không phải để đốt hương. Sự đốt hương chỉ là một cách người xưa bày ra cho các giới-tử và người ngoài giới-tử xã thân cúng dường Phật-dà, cúng dường Đạt-ma, cúng dường Tăng-già, và cúng dường Tịnh-giới mà thôi. Sự xã thân cúng dường này nó chứng tỏ lòng chí thành, chí bền vững của Phật-tử đối với sự chấp trì TỊNH GIỚI, đối với việc lợi ích hữu tình, nói chung là đối với Trí-giác-vô-thượng. Nó chứng tỏ một sự tinh tiến không chỉ khuynh đồ được mặc dầu phải hủy bỏ thân phần.

Đó là tất cả ý-nghĩa của sự đốt hương, và tất cả lý do của sự đốt hương trong GIỚI ĐÀN cũng vì ý nghĩa ấy.

Do ý-nghĩa và lý do đó, sự đốt hương không quan hệ gì đến việc thọ GIỚI, cho nên có những người thọ GIỚI mà không đốt hương, trái lại có nhiều người không thọ GIỚI mà cũng đốt hương; không những họ đốt hương ở GIỚI ĐÀN mà còn thỉnh thoảng tự đốt riêng để cúng dường TAM BẢO.

Tuy nhiên, sự đốt hương này có ăn thua gì dầu sánh với sự thiêu đốt toàn thân, thiêu đốt chân tay của Cồ-đức? Không những các Cồ-đức xưa đã thiêu đốt chân tay hay thân thể để biểu lộ một ý-chí bền chắc, một tinh-tiến kiên cố, mà ngày nay trên quốc độ Việt-Nam, vẫn thỉnh thoảng có những vị Thiện-tri-thức cũng thử chí nhẫn nại của mình, cũng hy sinh thân mạng cúng dường TAM BẢO, bằng cách thiêu đốt chân tay thân phần. So với các vị ấy, thì sự đốt hương thật cũng chưa có gì đáng gọi là hy-hữu và đáng tự hào.

Vả chăng trong Phật-Pháp biểu lộ tinh-tiến và cúng-dường TAM-BẢO vốn còn nhiều cách khó làm và cao cả,

ý nghĩa hơn sự hủy bỏ thân phần nhiều. Mặc dầu kinh DIỆU-PHÁP LIÊN HOA có dạy : « Nếu ai không tự hy-sinh được một chút trong thân phần mà nói rằng cứu chúng-sinh cầu Tri-giác, thì đó là điều không thể tin được ». Nhưng kinh HOA NGHIÊM lại dạy : « Trong các cách cúng dường Chư - Phật, cúng dường Chánh - Pháp là hơn cả. Cúng dường Chánh-Pháp nghĩa là cúng dường bằng cách hành động như lời Phật dạy, bằng cách lợi ích tất cả chúng-sinh, bằng cách nhiếp hóa chúng-sinh, bằng cách chịu thay hết thầy đau khổ cho chúng-sinh, bằng cách siêng tu thiện căn, bằng cách không rời sự nghiệp bồ-lát, bằng cách không bỏ tâm bồ-đề rộng lớn ». Và cách cúng dường TAM-BẢO này mới là tuyệt đối. Tại sao ? Vì các đức Như-Lai rất tôn trọng Chánh-Pháp, vì thật hành đúng Pháp Phật dạy thì xuất sinh Chư Phật » (Kinh HOA-NGIÊM). Cho nên « Nếu ai cúng dường Chánh-Pháp thì thế là thành tựu sự cúng dường Như-Lai. Thật hành cúng dường như thế mới là chân thật cúng dường » (Kinh HOA-NGIÊM).

### III. Giới Đàn chỉ là lễ « THỌ-GIỚI »

Do bao nhiêu điều đã trình bày trên, chúng ta thấy rằng GIỚI-ĐÀN chỉ là lễ đề THỌ-GIỚI. Lễ THỌ-GIỚI này nó cũng y như một lễ tuyên thệ, và tất nhiên trang trọng quý báu xấp trăm nghìn lần mà thôi.

Nhưng thế nào gọi là GIỚI, và THỌ GIỚI là thế nào?

GIỚI là những kỷ-luật, những qui-chế đề quy định hành động của Phật-tử. GIỚI ấy tùy trình độ mà có nhiều đẳng cấp, nhưng tất cả đều không ngoài phạm vi 3 điều sau đây :

- 1.) Không làm các điều ác. Làm thì phạm.
- 2.) Làm các điều thiện. Không làm thì phạm.
- 3.) Lợi ích hữu tình. Không lợi thì phạm.

Bởi GIỚI là như thế, cho nên hệ phạm là Phật-tử thì, không luận là tại gia hay xuất gia, ai cũng phải tùy năng-lực và hoàn cảnh của mình mà thọ GIỚI cả. Nếu không thọ GIỚI thì tức có thể nói là không thừa nhận những *điều luật tu hành* nữa vậy. Tuy nhiên, đó là đứng về phạm vi GIỚI và người xuất-gia mà nói. Chứ thật ra nếu vì thiếu năng lực hoặc hoàn cảnh không thuận tiện, thì người Phật-tử tuy không thọ GIỚI mà thật hành *ĐIỀU HẠNH* (hành động tự lợi lợi tha) thì cũng được.

Nhưng thế nào gọi là THỌ GIỚI ? THỌ GIỚI có hai nghĩa : người đã có giới đem GIỚI Phật chế truyền thọ lại cho người chưa có, gọi là « thọ giới » ; người mới xuất-gia chưa có giới lãnh thọ GIỚI Phật chế do người đã có giới trao cho và thề nguyện giữ gìn, cũng gọi là « thọ giới » ( đúng ra thì phải gọi là « thụ giới »).

Bởi GIỚI ĐÀN chỉ đề THỌ GIỚI như thế, cho nên điều cần nhất là *làm sao cho GIỚI THỀ thành tựu*. Tất cả nghi lễ, tất cả ngôn ngữ trong GIỚI ĐÀN đều chú vào một mục đích duy nhất là thành tựu GIỚI THỀ, và mục đích ấy thành tựu là GIỚI ĐÀN trọn vẹn, còn không thì dù GIỚI ĐÀN có tổ chức to lớn đến đâu cũng không kết quả đúng đắn.

Còn việc « đốt hương » là một việc phụ nên ở Bắc-Việt GIỚI ĐÀN không có sự ấy. Và « giới điệp » cũng chỉ là một cách tránh sự lạm xưng, hoàn toàn không quan hệ gì đến việc THỌ GIỚI, cho nên trong Nam Việt và ngoài Bắc-Việt không đâu dùng cả. Ngày xưa vì tránh sự trá xưng mà phải bày đặt ra « giới điệp », nhưng ngày nay khác. Ngày nay người ta lại lợi dụng « giới điệp » một cách tai hại hơn là lạm xưng, nên chúng ta nên kết thúc việc không có ý nghĩa ấy.

#### IV. Đại thể của sự tổ chức « GIỚI ĐÀN ».

Nhưng GIỚI THỂ nghĩa là gì, và muốn cho GIỚI THỂ ấy thành tựu thì phải làm thế nào?

GIỚI THỂ nghĩa là khi thọ giới, đối trước Đức BỒN-SU TỐI CAO, trước các vị Đại-Đức thanh tịnh, trong sự trang nghiêm của GIỚI ĐÀN, sau 4 phen kiết-ma thì trong thân tâm của giới-tử tức thành một năng-lực. Cái năng-lực ấy từ giờ phát đó cho đến về sau, một mặt nó ngăn ngừa hành động phi pháp của thân tâm, một mặt nó tác động thân tâm của người thọ giới động tác đúng theo TỊNH GIỚI. — Năng-lực ấy gọi là GIỚI THỂ.

Trong GIỚI ĐÀN, muốn cho GIỚI THỂ thành tựu, nên Phật chế phía trên người truyền GIỚI ít nhất là 3 người: một vị ít ra là phải tinh thông Luật-tạng, giới đức cao cả, làm hòa thượng; một vị giới lập tôn trưởng làm kiết ma, một vị không hạn lớn nhỏ mà tinh thông cách thức thọ giới thì làm giáo thọ. Ngoài ba vị chính thức này, vì Phật làm gì cũng cần sự thông quá và sự chứng thành của số đông, nên muốn GIỚI THỂ thành tựu GIỚI ĐÀN lại phải có 2 vị (hoặc 7 vị) giới hạnh thanh tịnh nữa làm tôn chứng.

Tất cả các vị này, bất cứ ai đủ điều kiện như thế thì đều làm được cả. Và bất cứ ở đâu hay lúc nào, hề có người hảo-tâm (một lòng vì cầu tịnh giới, thoát sinh tử, cầu trí giác, độ chúng sinh) khẩn cầu thọ GIỚI, thì các vị ấy, do sự cần cầu của người giới tử hảo tâm, mà họ lại làm kiết-ma thọ GIỚI cho họ. Như vậy chúng ta thấy rằng GIỚI ĐÀN không phải là một đời một lần và phiền phức gì. Lại trong việc THỌ GIỚI, vì muốn GIỚI THỂ thành tựu nên dùng phương thức cá thể (mỗi lần thọ một người), chứ không phải áp dụng đồng thể phương thức (nhiều người một lần). Nếu vì đông người quá mà muốn

cho thuận tiện thì cũng chỉ có thể mỗi lần nhiều nhất là 3 người mà thôi, quá số ấy thì phi pháp, nghĩa là GIỚI THỂ không thành tựu. Điều này nó cũng như sự tuyên thệ, người nào làm phần người ấy mà thôi.

Trong GIỚI ĐÀN thường tổ chức truyền thọ 3 đẳng cấp GIỚI LUẬT :

1) Truyền giới «sa-di» cho các vị mới nhập đạo, giới này có 10 điều. Giới «sa-di-ni» cũng phụ thuộc trong giới này.

2) Truyền thọ giới «cụ túc» (hoặc gọi là «tỳ-kheo-giới») cho các vị trên 20 tuổi và tư cách thật xứng đáng về tri cũng như về đức. Giới này có 250 điều. Giới «tỳ-kheo-ni» cũng phụ thuộc trong giới này, và giới ấy có 350 điều. Hai giới này thuộc phạm vi xuất gia, và tính cách là cao và sâu.

3) Truyền «bồ-tát-giới» cho cả tại gia và xuất gia. Giới này có 58 điều, và tính cách là rộng.

Muốn thọ hai giới đầu thì giới-tử phải có một thân thể không hư hỏng, các cơ quan đầy đủ, phải có một lịch trình tu học xứng đáng, nói tóm là phải có một tư cách tương đối để lãnh thọ và giữ gìn những Giới-điều mình thọ. Còn muốn thọ «bồ-tát-giới» thì điều kiện rất giản dị, hề *hiều rõ tiếng nói của GIỚI SỰ* là thọ được, nhưng phải có một năng lực (tất nhiên là năng-lực-bồ-tát) mới thọ và giữ nổi.

Còn cách thức và nghi lễ THỌ GIỚI thì ta có thể nói tóm tắt một câu là giản dị, thanh tịnh, trang nghiêm, và nhất là ý-nghĩa vô cùng. Mà phải như thế mới đúng, nghĩa là GIỚI THỂ mới thành tựu. Còn không thì chỉ «*đề cho nhà quan, đức GIỚI hay không, không dính lưu gi*», chính ngài VIÊN TIỆP, người sáng chế nghi lễ GIỚI ĐÀN đã than trách như thế.

# KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

THÍCH THIÊN-SIÊU

## DIỄN NGHĨA (Tiếp theo)

Hư-không-Tạng Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lạy chân Phật, bạch rằng: «Tôi với đức Như-lai cùng ở nơi Phật Định Quang (Nhiên đấng Phật) chứng được thân không ngăn sức. Lúc ấy tay cầm 4 viên bảo-châu lớn, chiếu sáng 10 phương cõi Phật số như vi trần, đều hóa thành hư không. Lại nơi tự tâm hiện ra cái gương tròn lớn, từ gương phóng ra 10 thứ ánh sáng vi diệu quý báu tuôn rưới đến 10 phương các cõi Tràng Vương khắp hư không, rồi trở lại vào trong gương và lặn vào thân tôi. Thân đồng như hư không, chẳng ngăn ngại nhau lại khéo léo hiện thân vào các quốc độ số như vi trần, rộng làm Phật sự, được công đức tùy thuận rộng lớn.

Đại - thần - lực như thế ấy là do tôi chín chắn quán sát tứ đại không chỗ nương, sanh diệt theo vọng tưởng, hư - không không hai và cõi Phật vốn đồng, phát minh tới chỗ đồng chứng

đặng vô-sanh-nhãn. Nay Phật hỏi viên thông, tôi do quán sát hư-không không ngăn, ngộ nhập Tam ma-địa, diệu lực viên mãn sáng suốt, ấy là thứ nhất.

Di-lặc Bồ-tát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lạy chân Phật, bạch rằng: « Tôi nhớ trải qua vi trần số kiếp về trước, có đức Phật ra đời hiệu là Nguyệt-đăng-minh. Từ đức Phật ấy, tôi mới được xuất gia nhưng tâm còn nặng về thế-danh, ưa giao du các giòng quyền quý. Lúc ấy Đức Thế Tôn dạy tôi tu tập phép định duy-tâm-thức mà ngộ nhập Tam-ma-địa; nhiều kiếp lại đây, do sức tam muội ấy mà kính thờ hăng sa Phật và tâm ham chuộng thế-danh kia nay đã hết không còn. Đến kiếp đức Phật Nhiên-đăng ra đời, tôi mới được chứng phép vô-thượng-diệu viên-thức-tâm-tam-muội, thấy khắp hư-không, các cõi Tràng vương dù uế, tịnh, có, không, thấy đều do tâm thức tôi biến hóa hiện ra. Thưa Thế Tôn! Bởi tôi liễu chứng duy-tâm-thức-tánh như vậy, từ thức tánh tuôn hiện vô lượng Như-lai, nên nay đặng Phật thọ ký sẽ bồ-xử làm Phật. Nay Phật hỏi viên thông, tôi do chín chắn quán-sát 10 phương đều là duy thức, thức tâm viên-mãn sáng-suốt, chứng nhập tánh viên thành thật, xa-lìa tánh y-tha và biến-kế-chấp, ngộ vô-sanh nhãn, ấy là thứ nhất.

— Đại Thế chí pháp-vương từ cùng các Bồ Tát đồng hàng năm mươi hai vị, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lạy

chân Phật, bạch rằng : « Tôi nhớ hằng hà sa số kiếp về trước, có đức Phật ra đời, hiệu Vô-Lượng-quang, nội trong một kiếp ấy, mười hai đấng Như-lai kế nhau ra đời, vị Phật sau hết hiệu là Siêu-nhứt-nguyệt-quang. Ngài dạy tôi tu phép Niệm-Phật Tam muội. Ví như có người, nếu một đàng quên nhớ, một người quên quên, thì hai người ấy hoặc gặp nhau cũng như chẳng gặp, dù thấy nhau cũng như không thấy, nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai mối nhớ càng ăn sâu thì dù cho đến từ đời này trải qua đời khác, cũng luôn luôn như bóng theo hình, không bao giờ trái xa.

Mười phương các đức Như-lai thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh tuy mẹ nhớ cũng chẳng ích gì, nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời không xa trái nhau. Nếu chúng sanh đem tâm nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tại hay tương lai chắc chắn thấy Phật, cách Phật không xa, chẳng cần tu hành phương tiện nào khác mà tự nhiên tâm được khai ngộ ; cũng như người ướp hương mà thân có hơi hương, như thế gọi là dùng hương quang để trang nghiêm vậy. Chỗ bồn hơn tu hành của tôi là do tâm niệm Phật mà ngộ nhập vô-sanh-nhãn, nay ở cõi này, đề nhiếp hóa mọi người niệm Phật vắng sanh về Tịnh độ. Nay Phật hỏi viên thông, tôi vốn không lựa chọn, chuyên thân nhiếp cả 6 căn, khiến cho Tịnh niệm nối liền, được vào Tam-ma-địa, ấy là thứ nhứt.

PHẬT GẶP HỎI CHỖ CHÚNG NGỘ ĐE LỰA CHỌN

‘CĂN VIÊN THÔNG THỪ THẮNG (tiếp theo).

**Không-Đại Viên-Thông.**

Ngài Hư Không Tạng Bồ-tát nhân tu không đại mà chứng nhập viên thông.

Để quán 4 món đại chúng là giả dối, như-Luyến, đều do vọng-tướng của chúng sanh phát hiện, mà vọng tướng là vọng không có thiệt tánh, y nơi nhứt tâm; khi đã ngộ lý duy-tâm triệt đễ, thì cả 4 đại sắc không bền lại bình đẳng như hư không, như bài kệ nói: « hư không chẳng phải cao, thấp cũng không thể có, các pháp cũng như vậy, tánh vốn không cao thấp. Bồ-tát Hư-Không-Tạng, dựng kho tàng hư-không đầy đủ cho hữu tình, thức ấy không cùng tận ». Đem thức tâm hư-không vô tận ấy mà ấn nhập tất cả pháp thì pháp nào cũng vô tận; toàn tâm là sắc, vậy nên tất cả pháp đều duy tâm sở hiện, không có thân sơ; toàn sắc là tâm, vậy nên tất cả pháp là sở hiện duy tâm, không có trong ngoài.

Trong bài này, ngọc châu là tiêu biểu sắc pháp, gương sáng là tiêu biểu Tâm pháp. Toàn sắc là tâm, không phân chia chủ bạn nên hay soi chiếu 10 phương vi trần Phật sát hoá thành hư không. Toàn Tâm là sắc, không phải xa rời nơi bờn tế, nên hay phóng quang hiện 10 phương cõi đến vào trong gương, trong thân, không chút chi ngăn ngại; chính nơi thân mà hiện độ, nơi độ mà hiện thân, đề hoằng pháp độ

sanh, tiếp nối Phật chủng, mà không bao giờ trái với tánh bình đẳng thanh tịnh của pháp thân nên gọi là đức Tùy thuận rộng lớn.

### **Thức-Đại Viên-Thông.**

Đức Di-lặc Bồ-tát nhân tu duy thức mà ngộ nhập viên thông.

Ngộ tất cả vạn pháp đều do nội thức biến hiện thì cảnh nào cũng là tánh cảnh, cũng là Tánh viên-thành thật. Không ngộ tất cả vạn pháp do nội thức biến hiện, in tuồng sanh mà không thật sanh, in tuồng diệt mà không thật diệt, nên chấp có pháp y-tha; các pháp do y-tha (nhân duyên) sanh khởi mà không nhận là y-tha lại so đo sai lầm, chấp có ngã, ngã sở, cho nên thường bị danh tướng thế-gian ràng buộc. Tâm còn ham chuộng thế-danh vì còn cho thế-gian là thiệt Trái lại, sau khi Ngài Di-lặc tu tập phép duy tâm, duy thức, quán sát tất cả vạn pháp đều do thức tâm biến hiện, tương tự hư dối; tất cả danh là giả, tất cả tướng là giả, không vì duyên gì còn làm sanh trưởng tâm ham mê danh vị được nữa. Lần lần chứng được vô-thượng-diệu viên-thức-tâm tam muội (chơn duy thức tánh) chẳng những không thấy thiệt có tướng vạn pháp, cũng không còn thấy thiệt có tướng duy thức, nhưng 10 phương Như lai, quốc độ, sắc, không v.v... đều không món nào ra ngoài thức tánh ấy mà tự có, các pháp đã là thức tánh, thì pháp pháp đều là tự tánh viên mãn, thành tựu chơn thật, nơi tánh-viên-thành, sanh vốn vô sanh, cho nên xa lìa y-tha như huyền; nơi tánh-viên-thành không thiệt có ngã và ngã sở, cho nên xa lìa biến kể sai lầm. chứng pháp vô sanh nhân.

## Kiến-Đại Viên-Thông.

Kiến đại cũng tức là căn đại, trước thức đại thuộc về thức, đây kiến đại thuộc về căn. Ngài Đại-thế-chí Pháp-vương-tử nhân tu kiến đại mà ngộ nhập viên-thông.

Không như các viên thông trước chỉ lựa chọn từng căn để hạ thủ công phu, mà trái lại ở đây Ngài Đại-thế-chí nhân phép niệm Phật Tam-muội, nhiếp phục cả 6 căn, qui cả 6 căn đều thâu về nơi nhứt niệm niệm Phật, không để tán loạn dơng ruổi theo ngoại duyên. Tịnh niệm thường nổi luôn, không xen một niệm gì khác, thì quyết nhiên chứngặng Niệm Phật Tam muội. Vậy nên ở đây, qui hồ nơi nhứt niệm. Nhứt niệm là chư Phật thường thương xót niệm tưởng chúng sanh, dầu một phút một khắc cũng chẳng rời, in như mẹ lành thương nhớ con dại, nếu chúng sanh chuyên tâm nhớ Phật, niệm Phật như con biết nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì hiện tiền hoặc tương lai, quyết định gặp Phật thấy Phật, vì-nhân nào quả nấy mảy mún không sai. Trái lại, Phật tuy nhớ chúng sanh, mà chúng sanh cứ trốn tránh không biết nhớ Phật cũng như hai người một bên chuyên nhớ còn một bên chuyên quên, thì hoặc gặp cũng như không gặp, thấy cũng như không thấy, chẳng ích gì.

Vả chẳng, tâm mê ngộ của chúng sanh cũng như mẹ và con vậy. Tâm ngộ như mẹ, tâm mê như con, ngộ luôn luôn có trong mê, ví như mẹ thường nhớ con, mà mê thì không biết tự nhận, niệm niệm chuyển dời, trái tánh giác, hợp với trần lao, ví như con trốn tránh không nhớ nghĩ đến mẹ, bởi vậy mà uổng chịu luân hồi sanh tử! Nếu biết phản quan đem tâm niệm Phật mà niệm Phật giác-ngộ nơi tự-tâm, thì mỗi phút mỗi phút, mê hóa thành giác, năng sở đều tiêu, chứng nhập tánh pháp-giới bình-đẳng, không ly đương độ mà nhiếp hóa những chúng sanh niệm Phật đồng vắng sanh Tịnh-độ.

(Còn nữa)

# A - ĐÀ - NA - THỨC

THÍCH-KIM SƠN

- 1.) Thế nào gọi là A ĐÀ NA THỨC ?
- 2.) Đặc tính của A ĐÀ NA THỨC.
- 3.) Lý do chứng minh A ĐÀ NA THỨC.
- 4.) Khả năng của A ĐÀ NA THỨC.
- 5.) Phương pháp chuyển y A ĐÀ NA THỨC.
- 6.) Tính cách của A ĐÀ NA THỨC.

## I. — Thế nào gọi là « A ĐÀ NA THỨC » ?

Tiếng Phạm là ADANA, dịch âm là A ĐÀ NA, dịch ý là CHÁP TRÍ, nghĩa là duy trì cho tồn tại. Nên A ĐÀ NA là cái danh từ vừa để gọi tên vừa để biểu thị đặc tính của A ĐÀ NA.

Nhưng thường không phải chỉ gọi là A-ĐÀ-NA, mà còn gọi thêm là A-ĐÀ-NA-THỨC « THỨC » là một danh từ để gọi tất cả.

- 8 tâm vương : vì là bản thân của THỨC,
- 51 tâm sở : vì là phụ thuộc của THỨC,
- 11 sắc pháp : vì là đối tượng của THỨC,
- 24 bất tương ưng : vì là phận vị của THỨC,
- 6 vô vi pháp : vì là thật-thể của THỨC (I).

Mà A ĐÀ-NA là căn bản của THỨC, là toàn thể của THỨC, nên gọi là A-ĐÀ-NA THỨC.

Với một giới nghĩa như vậy, chúng ta thấy vạn hữu phát nguyên từ A ĐÀ-NA mà cứu cánh cũng về A-ĐÀ

NA. — Tất cả khả năng của vạn hữu chỉ là năng tính tiềm tàng nơi A ĐÀ NA, tất cả hiện hành của các khả năng chỉ là biểu tượng của A ĐÀ NA. A ĐÀ NA THỨC thật là thể-nguyên của sự phát sinh, sự tồn tại, sự tiêu diệt của vạn-hữu vậy.

Bởi A-ĐÀ-NA-THỨC như thế, nên ngoài tên ấy nó còn có mấy tên nữa :

- A LẠI GIA : cái của chúng ta nằm làm bản ngã ;
- DỊ THỰC : cái thể của sự sinh-tồn - của sự sống (3) ;
- CĂN BẢN : căn bản của vạn-hữu ;
- NHẤT THỂ CHỨNG : đầy đủ, duy trì tất cả khả năng (4),
- NHƯ LAI TẠNG : đầy đủ khả năng thuần túy (5) ;
- VÔ CẤU : thuần túy, thanh tịnh. Vàn vàn.

Bởi tánh cách của A-ĐÀ-NA-THỨC vô lượng nên có vô biên danh từ để biểu thị. Trong những danh từ trên đây, danh từ cuối cùng — danh từ VÔ CẤU THỨC — là để gọi cái giai đoạn thanh tịnh cuối cùng của A-ĐÀ-NA-THỨC. Danh từ NHƯ LAI TẠNG là ý nói A-ĐÀ-NA-THỨC là cái kho tàng mà trong đó cất chứa một đức Phật-đà (6). Còn mấy danh từ kia đều là biểu thị cái tính cách quan hệ của A-ĐÀ-NA-THỨC, tính cách làm căn bản sự sinh tồn của vạn-hữu và hữu-tính.

1.- Hai loại đầu gồm tất cả tác dụng tâm-lý, loại thứ ba gồm tất cả vật-lý, loại thứ tư gồm tất cả trừu-tượng, loại thứ năm gồm tất cả thật-tại : Bởi tất cả đều là THỨC như thế, nên gọi là DUY THỨC.

2.- Kết thúc trạng thái cũ, nghĩa là trình bày trạng thái mới.

3.- Thuật ngữ gọi là quả báo, là dị thực, là nghiệp báo.

4.- Thuật ngữ gọi là chủng tử.

5.- Thuật ngữ gọi là vô lậu chủng tử.

6.- Khế kinh nói : Trong áo rách ngũ-uần như bần, có toàn thân của Như-lai, nên gọi là NHƯ LAI TẠNG.

## II.— Đặc tánh của « A ĐÀ NA THỨC »

A-ĐÀ-NA nghĩa là chấp trì (duy trì cho tồn tại), cho nên nó có 3 đặc-tánh sau đây :

1) LÂM CHỦ THỀ DUY TRÌ CÁC KHẢ-NĂNG CỦA VẠN-HỮU.- Đặc tánh này thuật ngữ gọi là chấp trì chữ pháp chung tử, nghĩa là khả-năng của vạn-hữu mà phát sinh, tồn tại, và hiện hành được là do A-ĐÀ-NA THỨC chủ thể.

Dưới quan niệm của DUY THỨC HỌC, vạn hữu — dù là vật lý hay tâm lý — đều là những giòng hiện hành do khả-năng liên tiếp phát hiện, đều là biểu tượng của khả-năng. Như thế thì, ví dụ do các màn ảnh liên tiếp biểu diễn mà ta biết có các cuốn phim ở trong liên tiếp quay ra ; cũng như thế, do có muôn nghìn hiện hành sai biệt là vạn hữu mà chúng ta nghiệm biết phải do có vô số khả-năng phát hiện. Chúng ta thấy, cảm giác thấy vạn-hữu hình như tồn tại trong một thời gian ; sự tồn tại ấy chỉ là một loạn trống, một giòng nước chảy xiết do muôn nghìn chuyển biến liên kết lại — là hiện hành do chung tử liên tiếp hiện khởi mà thôi. Và sự cảm thấy tồn tại cũng chỉ như do sự chạm chạp của nhân-quang mà thấy có hình sắc.

Cho nên cùng thời gian khắp không gian, ở đâu là hiện hành thì đó là khả-năng phát hiện. Và vì vậy mà hết thấy vạn hữu (hiện hành) chỉ là biểu tượng của A-ĐÀ-NA, hết thấy khả năng (chung tử) chỉ là năng tánh của A-ĐÀ-NA. A-ĐÀ-NA thật là căn bản của vạn-hữu vậy.

2) LÂM CHỦ THỀ SỰ SỐNG CỦA THÂN THỂ.- Đặc tánh này thuật ngữ gọi là chấp thọ hữu sắc căn thân, nghĩa là sự sống còn, sự giác thọ của thân thể là do A ĐÀ-NA-THỨC chủ thể.

Thân thể cũng chỉ là một hiện hành. Hiện hành ấy cũng như ngàn vạn hiện hành khác ở trong thân ở ngoài thân, đều do

khả-năng của nó phát hiện : đều do A-ĐÀ-NA-THỨC chủ thể mà có. Cho nên cũng như sự sống (sự tồn tại) của vạn-hữu, sự sống (sự tồn tại của thân thể) cũng do năng lực của A-ĐÀ-NA-THỨC liên tiếp duy trì (hay nói là liên tiếp phát hiện thì cũng thế).

Không những sự tồn tại của thân thể do A-ĐÀ-NA-THỨC chủ thể, mà sự giác thọ của thân thể cũng do A-ĐÀ-NA-THỨC chấp thọ. Đối với vạn-hữu thuộc về « vật », thân thể tuy đồng do 4 đại chủng hòa hợp, nhưng đặc biệt là có giác-thọ, nghĩa là có cảm giác, có lãnh thọ. Cho nên đứng về mặt đồng thì thân thể và ngoại vật đồng do thành phần đại-chủng kết hợp, đồng do A-ĐÀ-NA làm chủ thể mà phát hiện và tồn tại ; nhưng đứng về mặt khác, mặt có giác thọ, thì đó là một sự sống cụ thể và đặc biệt do A-ĐÀ-NA thu hẹp sự sống của nó lại bởi ý chỉ muốn sống với thân thể. Cho nên sự sống, sự tồn tại của thân thể cũng do A-ĐÀ-NA-THỨC làm căn bản vậy.

3.) LÀM CHỦ THỂ CHO SỰ LIÊN-TỤC SINH MẠNG.- Đặc tánh này thuật ngữ gọi là chấp thủ kiết sinh tương tục, nghĩa là làm chủ thể và duy trì sự liên tục của sinh mệnh. Hay nói một cách khác, sự tồn tại sự liên tục của sự sống là do A-ĐÀ-NA-THỨC chủ động.

Nhưng sinh mệnh là gì ? Theo Phật-giáo, sinh mệnh là sự hóa hợp của tâm lý và vật lý (1). Sinh mệnh đó chuyển biến không ngừng. Sự chuyển biến ấy hết sức mau lẹ và kín nhiệm trong trong từng sát-na (2), nên gọi là « sát na vô thường » ; do sự chuyển biến trong từng sát-na mà kết quả là kết thúc một giai đoạn của sinh mệnh, thì gọi là « nhất kỳ vô thường ». Sinh mệnh chuyển biến như thế (chúng ta có thể nói chuyển biến là sự sống), nhưng khi kết thúc một giai đoạn (mà ta gọi là chết) thì không phải là sinh mệnh kết liễu. Cho nên sinh mệnh không phải khởi điểm từ sự

hòa hợp của tình huyết cha mẹ, và không phải chung kết ở trong đất không sinh khi ở mồ mã. - Đây chỉ là sự trình bày và sự kết thúc của một giai đoạn của giòng sinh mệnh vô thi vô chung. Mà có giai đoạn ấy ra là sinh mệnh đã có và còn sẽ có vô lượng vô biên giai đoạn khác. Cũng như trong sự sát-na chuyển-biến, sinh mệnh chuyển biến đến sát na nào đó là đã liêu kết vô số sát na đã qua và sẽ dần khởi vô lượng sát na sẽ tiếp. Vậy chúng ta có hệ kết luận: Chúng ta đã sống và sẽ sống với vô số giai đoạn khác của sinh mệnh vì sinh mệnh chúng ta đã có giai đoạn hiện tại này; cũng như ta có sự sống trong ngày hôm nay là đã sống nhiều ngày đã qua và vì vậy mà còn sẽ sống nhiều ngày sẽ đến.

Nhưng trong sự liên tục của sinh mệnh, liên tục từ sát na này qua sát na khác, và liên tục từ giai đoạn này qua giai đoạn khác là vì ở đâu? do cái gì chủ thể? là do A-ĐA-THỨC chấp thủ vậy.

Như vậy chúng ta thấy sự chuyển biến sát na và giai đoạn của sinh mệnh chỉ là những làn sóng trên giòng nước A-ĐA-NA-THỨC, chỉ như nước - hơi - mưa... trên thềm lóng. Và chúng ta nghĩ rằng thân này thân khác cũng chỉ là Ta như vai tuồng anh lính hay ông vua cũng chỉ một con hát đổi áo, thì ta ham chỉ một cuộc đời phù hư mà không đứng mãnh trước việc Thiện.

Do 3 đặc tánh đó mà chúng ta thấy A ĐA-NA-THỨC là căn bản của vạn-hữu, của sự sống, và của sự liên tục của sinh mệnh: Tất cả đều do A-ĐA-NA-THỨC mà phát sinh và tồn tại.

(hết phần thứ hai)

1') Thuật ngữ gọi là danh sắc.

2') sát na : thời gian tối thiểu.

# LUÂN HỒI

THÍCH-TRÍ-NGHIÊM

Phật dạy: « Các con hãy gắng chuyên-cần, nhẫn-nại, sáng-suốt trong khi học, truyền Giáo-nghĩa của ta ».

Sau khi đức Phật nhập diệt, một vị đại-dệ-tử của Ngài, nhận trách nhiệm đi truyền-bá trong xứ lân-cận, trải hơn 20 năm, đến đâu Ngài cũng chỉ giảng hai chữ « Tam-bảo ». Người ta hỏi, Ngài trả lời: Tôi xuất-gia vì « Tam-bảo » (Phật-Pháp-Tăng) tu hành cũng vì Tam-bảo thì còn gì hơn nữa. Và đó cũng là tâm-lý chung, mục đích chính của tất cả tín đồ Phật-giáo. — Chúng ta có thể nói: Mục đích xuất thế của Phật, chỉ vì muốn cứu vớt chúng sanh ra khỏi vực thẳm luân-hồi, chúng ta tu hành, học đạo cũng lấy giải-thoát luân-hồi làm mục tiêu chính. Vậy nên yếu lý luân-hồi rất quan trọng trên Giáo nghĩa của Phật, trong đường lối tu hành của chúng ta.

Tuy trước đây, Viên-Âm và các báo-chí Phật-giáo đều có đề cập đến vấn-đề này song một số đông tín-đồ vẫn khái-niệm một cách sai lầm vấn đề sống chết, rất có ảnh-hưởng xấu cho sự chính tu. Chúng tôi mong rằng bài này sẽ giúp thêm phần chánh giải cho toàn thể độc-giả.

## I. — Vài quan-niệm cần biết rõ khi muốn biết lý luân-hồi.

1/ Thuyết độc kiếp (đoạn kiến)

Độc kiếp là thuyết chủ trương thân mạng chỉ là một hợp-thể dẹt thành bởi những nguyên tử hình chất tuyệt-đối, trong ấy tư-tưởng, tình cảm là những ảnh-hưởng bị chi-phối, sống là hợp-thể ấy

được nổi luôn, và chết là hợp thể ấy bị gián-cách tan rã do phủ-định-lực của chính nó; Vì thế con người sẽ không có nghĩa lý gì sau khi những phần tử cấu hợp bị tan rã, cũng như ngọn đèn bị tắt khi dầu khô tim hết. Ở đây không cố ý bàn đến vấn-đề duy-tâm duy-vật, song cốt để chúng ta khái-niệm tổng-quát quan-niệm: Con người là vật-chất hoàn-toàn, vật-chất tan rã tức là tro bụi, đất nước, là không. Sự thật phải thế chăng? Chúng ta hãy đặt vào đây vài nhận-xét. Trong sự chuyển-dịch không cùng (sát-na sanh diệt) sự vật được nổi luôn trong một hợp thể thì gọi là sanh, thành, sống... Thì cũng đồng thời nhiều thành phần của sự thay đổi, gây nên phủ-định-lực (nhất kỳ sanh diệt) thì gọi là chết, tan rã, hư nát... Song chính sự tan rã ấy cũng để tạo thành một hợp-thể khác, thí dụ như khi nhiệt-độ trên 100 thời nước là hơi, và dưới không-độ thời nước là băng. Băng hay hơi chỉ là hình thể khác nhau của nước do nhiệt-lực cao hạ sai khác.

Vì thế khi nhìn vào một vật, ta đều thấy nó đã qua bao nhiêu hình thể và sẽ nhận vô số hình thể khác do điều-kiện phối-hợp không đồng.

Thân mạng và sự sống ta cũng vậy. Ta đã sống, hiện sống và sẽ sống do động-lực chính của nghiệp-thức gây nên.

## 2/ Thuyết linh-hồn bất tử (thường kiến).

Thuyết linh-hồn bất tử phủ-nhận sự tan rã trống không của Độc-kiếp, và chủ trương sanh mạng là sự cấu-hợp của 2 bộ phận linh-hồn hay tâm-linh, và hình-thể hay vật-chất. Sau khi chết tuy hình thể có tan rã mà linh-hồn vẫn thường tại và mãi mãi chịu tội ở ngục tù hay hưởng phúc ở thiên-giới.

Nếu đứng về phương-diện thần-thoại, cho rằng có một vị thần-linh nắm cầm sanh mạng và thưởng phạt, thì là một sự bất công vô lý, dầu cho luật pháp có nghiêm khắc đến đâu, cũng không thể kết án chung thân đối với các tội trạng nặng nhẹ không đồng.

Nếu ở phương-diện tự làm tự chịu thì nhân ít không thể sanh quả nhiều; loài người sanh ra trong mọi trường-hợp không đồng những nguyên nhân tội ác, cũng như hiền-lương, gây nên một thời hạn

trên dưới một 100 năm, trong khoảng một thế-kỷ đối với thời gian vô hạn, là một hạt cát trong biển cả. Căn cứ vào khoảng đời nhỏ hẹp ấy để định-đoạt sự thưởng phạt vinh-viern cho loài người, thật là một điều bất công, một tội ác.

3/ Luân-hồi theo luật tiến hóa, hay sự chuyển vận xoáy-ốc.

Thuyết luân-hồi tiến hóa phủ nhận sự tồn-tại vinh-viern, song ở một chỗ khác thì nhận có tâm-linh ấy luôn luôn tiến hóa trong sự chuyển dịch từng giai đoạn một, từ hạ đẳng dần dần theo chiều xoáy ốc, mãi đến vô cùng. Người ta cũng nhận rằng theo sự chuyển dịch ấy nếu gặp phải phủ-định-lực cũng có thể gây nên phản lực thoái bộ, nhưng chỉ thoái bộ tạm thời.

Ở đây chúng ta thấy rằng tiến-hóa hay thối hóa chỉ là những danh-từ tương đối, không có định-luật thước đo trên thực-tế ở phương diện nào, cả về tánh-tình tư-tưởng, có tiến bộ, cũng có thoái bộ, vì ảnh-hưởng của những điều hỗ trợ thuận-lợi (thuận tăng thượng duyên) hay trái phản. (nghịch tăng thượng duyên). Một thí dụ dễ rõ: Anh A là một nhà thông bác về toán học, song phải sống cuộc đời của kẻ nông-phu, ngày ngày chỉ cuốc đất bón phân; lẽ dĩ-nhiên những khả năng cố-hữu của anh bị phản-lực mà mất dần. Trái lại tuy anh rất vụng về việc canh nông, cày bón, nhưng nhờ ngày ngày huấn tập anh có thể là một nhà nông giỏi. Do đó ta thấy rằng nếu thối-hóa phương-diện này thì tiến-hóa về phương-diện khác. Tất cả các mặt tình-cảm, trí-lực, tư-tưởng đều như vậy. Đức Phật dạy rằng: « Tất cả chúng sanh ra vào lên xuống trong tam-đồ ác đạo đều nhân nghiệp-lực tạo thành », Nghiệp-lực tức là sức dẫn-phát chính cho sự xả thân thọ thân. Chúng ta đương sống trong một hoàn cảnh tốt đẹp an-vui của nhơn, thiên, khi ta gắng trau dồi về thiện đạo, và phải chịu sự thống khổ ở tam-đồ nếu chúng ta tạo những tội ác xấu xa, đó là một sự công bằng, một lẽ phải.

## II. — Vì sao đức Phật nói lý luân-hồi

Chúng ta thấy rằng các thuyết trên, không thể giải đáp một cách ổn-đáng những câu hỏi thắc mắc ngàn đời của kiếp người.

Thuyết luân-hồi với ý-nghĩa cao quý của nó sẽ giải rõ vào mục dưới. Ở đây chỉ đề thấy rằng : đức Phật, vị giáo-chủ không hai, vì lòng thương vô hạn đối với tất cả sanh-linh đương chìm nổi lầm than trong kiếp sống phù-du, đầy dẫy tội ác, nói ra thuyết luân-hồi nghiệp báo, không những đề chỉ rõ thật sự của nhân-sanh đồng thời còn cho chúng ta thấy giá trị vinh viển của mình, không phải ở sự xây đắp chốc lát hiện tại mà là một chuỗi đời vô tận, trong ấy nghiệp lực là sức dẫn phát chính cho mọi hình thể sai khác, kiếp sống cao thấp không đồng. Hiện tại chỉ là một cái cầu liên lạc giữa những đời sống đã qua cũng như sắp đến. Đề rõ thêm, trở lại với chủ trương độc kiếp là thuyết phủ nhận giá trị tồn tại của nhân sanh, Người ta nghĩ một cách là quay cuồng gập rút đề hưởng thú dục lạc phụng sự những thú tánh dâm dục, mặc dầu phải gây nên vô số tội ác. Đối với họ đạo đức, tín ngưỡng, nhân ái là những gông cùm khó chịu và tất cả sẽ là tro bụi, trống không ! Họ không muốn xây đắp gì trên nền tảng mà họ cho trống không ấy ! Thuyết luân hồi đức Phật cho chúng ta biết : muốn tránh mọi thống khổ, ta phải vượt ra ngoài sức kiểm chế của nghiệp lực, nguyên nhân chính gây nên luân hồi sanh tử.

### III — Thế nào là luân hồi ?

Luân hồi tức là sự biến chuyển qua lại không cùng của sự vật (y báo hay thuộc thể)

Luân hồi tức là sự lên xuống vòng quanh trong các hình thể sai khác của chúng sanh (chánh báo hay chủ thể)

1) Luật chuyển vận tương tục ở sự vật. Tất cả sự vật đều vô thường chuyển dịch là một trong ba pháp ấn của tiêu thừa Phật giáo. Ngày nay người ta đã chứng nghiệm một cách rõ ràng. Sự vật không thể tồn tại ở cá tánh, độc thể, mà là một hợp thể luôn luôn chuyển dịch. Trong sự biến chuyển không ngừng ấy, sự vật vẫn luôn luôn đổi mới (sát na sanh diệt) từ hình thể này hay hình thể khác (nhất kỳ sanh diệt) . Đứng trước sự sụp đổ của một bức thành cũ nếu xét kỹ ta sẽ thấy bức thành ấy đã từng thay đổi trong

từng giây phút để đi dần đến sự sụp đổ. Song thử hỏi sự sụp đổ ấy có nghĩa là chấm dứt cùng của bức thành ấy không? Một mặt bức thành ấy phải thay đổi về hình-thể do phủ-định-lực chuyển vận gây nên, một mặt khác, chính sự sụp đổ ấy sẽ là những định-lực để xây đắp một hình-thể khác. Gạch đá sẽ xây dựng một ngôi nhà, vôi đất sẽ trở thành món ăn cho cây cỏ... Nhân đó, chúng ta thấy rằng: Vạn vật do sức chuyển dịch không ngừng ấy, có thể thay đổi từ hình thể này đến hình thể khác, vì những phát-lực không đồng, chứ không mất hẳn. Sự chuyển dịch ấy ở một trái nhân có thể từ xanh đến chín, từ chín đến rụng, rồi cũng vì sự chuyển dịch ấy trái nhân, cây nhân bỏ một hình thể nhận một hình-thể, theo luật chuyển vận sự vật tương duyên tương nhiếp, nên ở một vật đầu nhỏ như ugon có đều có quan-hệ mật thiết đến các vật khác. Đó là lý duyên-sanh của đạo Phật.

Vậy sự vật có thể khác nhau ở hình mà đồng nhau ở chất, hình-thể có thay đổi mà thể chất không mất hẳn. Ví dụ: nước, băng, hơi chỉ là những biến thể của tánh ướt, do đó chúng ta thấy rõ ràng sự luân-hồi chuyển dịch của sự vật. Song gây thành những hình-thể sai khác ấy có phải là sự ngẫu nhiên không. Lễ tất nhiên là không. Hòn đá ném xa hay gần là do ở sức dẫn-phát mạnh yếu khi ném; cũng đồng gieo mạ mà chỗ được sum-sê xanh tốt là chỗ được nhiều phân bón nước. — Mặc dầu sự vật chuyển biến vô cùng, song không bao giờ ly khai luật như quả, về mặt tạo thành hay hủy-hoại ở sự vật cũng như tánh mạng chúng ta.

## 2/ Luật chuyển vận tương-tục của sanh mạng. (Luân hồi)

Trên đây chúng ta đã thấy rõ sự chuyển dịch vô cùng ấy ở vạn vật đều do dẫn-phát lực không đồng, gây thành những hình-thể sai khác về không-gian thời-gian; thật sự vật vẫn luôn luôn tồn tại trong các hình thể không đồng. Ở chỗ này ta nên tránh sự hiểu biết thối mác, quan niệm sự vật thường tồn! Có thể nói chỉ tồn-tại trong sự chuyển biến.

Ví-dụ như hạt lúa biến thành mộng lúa, bờ mộng lúa trở thành mạ lúa, cây lúa . . . . .

Rời hình thể này để đến hình thể khác ; song khi đã thành mộng, có phải rời hẳn hạt lúa chẳng ? Cũng như khi thành mạ đã không còn gì của cây mộng chẳng ? trong sự chuyển vận, các hình thể vẫn luôn luôn làm dần-phát lực cho nhau và hàm-nhiếp cùng nhau. Nên ở nơi cây mộng ta thấy rõ-ràng là một biến thể của hạt lúa, và sẽ là một chuyển thể của cây mạ, cây lúa.

Xét về phương-diện chủ-quan, thân mạng của chúng ta là một hình thể hiện hữu từ vô số hình thể về trước mà đến, cũng như sẽ nhận vô số hình thể khác về sau. Và đã sống, hiện sống, sẽ sống trong sự chuyển vận vô cùng. (Luân hồi).

Phật dạy : “ Tất cả chúng sanh đã nhiều đời đắp đổi làm cha mẹ ” hay “ Tất cả chúng sanh là những vị Phật sẽ thành ». Song điều quan trọng hơn hết là cái gì đã chủ thể cho sự xả thân, thọ thân ấy. Trước đây ta đã thấy rằng, mặc dầu trong sự chuyển vận nối liền, vạn vật không bao giờ rời lý nhân quả, như một đoàn tàu chuyển hành trong phạm vi của đường sắt.

Khi làm người, lúc làm trời, khi ở địa ngục, lúc sanh, chuyển dịch vòng quanh (Luân-hồi) trong sự chi phối của nhân quả—song chủ thể cho sự tương-tục ấy chính là « tâm » hay « A-đà-na thức » (chấp-trì thức) tức là chủ thể sanh mạng, và gây thành sự sống của những thân sau do nghiệp-lực tác động.

Đề kết thúc đoạn này, ta nhận thấy rằng :

A—Sau khi chết không phải mất hẳn. — Nếu phân tích thì sanh mạng là một hợp-thể của Thọ : (sự hoạt động của cơ-thể) Noãn : nhiệt khí, hô-hấp) Thức : (phân-biệt, tư tưởng) được tương-tục trong một thời hạn gọi là sống ; khi hợp thể ấy bị chia lìa thì gọi là chết, song quyết không phải vì thay đổi ấy mà sanh mạng dứt hẳn, nó chỉ là một biến thể của nghiệp-lực nhất thời mà thôi.

Đồng thời với sự thay đổi ấy, các công năng huân tập về thiện hay ác trên thức-diễn trong lúc sanh tiền sẽ là nghiệp-lực để thú-sanh, tức là phát lực chính cho hậu báo (lãnh thọ thân sau) Bồ thân

này nhận thân khác trong sự chuyển vận vô-cùng của nghiệp-lực, cũng không khác gì một kép hát trên sân khấu khoác nhiều vai tuồng trong một đêm hí kịch.

B. — Sự liên-lạc giữa thân trước và thân sau. Đề rõ thêm sự quan-hệ của giòng sanh mạng và đề trả lời những câu hỏi thắc mắc, ở đây ta sẽ tìm hiểu sự liên-lạc giữa hai thân, nó là một hay là khác? Thật ra ở trên, ta đã thấy sanh mạng luôn luôn thu chiều chuyển-dịch và chi-phối bởi những nghiệp-lực bản-hữu, hay tân-huân gây thành dẫn-lực xả thân (chết) thọ thân (sanh). Ta có thể đặt hạt lúa làm trung tâm hiện hữu đề nhìn với trước, (hạt lúa với cây lúa), và ngó về sau : (hạt lúa với cây mộng), khác hay không khác? Cho rằng khác, thì rời hạt lúc ra lẽ di-nhiên không thành mộng, toàn thể mộng là biến thể của hạt lúa. Nếu không khác, hỏi sao mộng thì cây mà lúa thì hạt!

Vì không khác, nên trước và sau đều có sự quan-hệ mật-thiết, vì không phải một nên hình thể không đồng. Mặc dầu do sự chi-phối của nghiệp-lực, mà ta phải xả thân thọ thân, song trước sau vẫn có sự liên quan mật thiết, vì tất cả công năng được huân tập trong đời hiện tại, sẽ là dẫn-phát lực chính cho sự tạo thành thân mạng ở tương-lai.

Nhưng nghiệp-lực không đồng nên sự nhận lãnh hậu thân vẫn khác. Thế kinh có câu: « Muốn biết nhơn đời trước, hãy nhìn sự lãnh thọ đời nay, muốn biết quả đời sau nên xem nhơn hiện-tại » là thế.

C. — Chuyển vận theo luật nhơn quả. — Trong sự chuyển vận vô-cùng ấy, ở sự vật cũng như sanh mạng không thể ra ngoài luật nhơn quả.

— Thiện nhơn tạo thành thiện quả.

— Ác nhơn gây thành ác quả.

Nhìn về trước thì hiện tại là quả, ngó về sau thì hiện-tại là nhân, căn cứ ở quả ta có thể biết được nhân, nhìn vào nhân ta rõ ràng được quả. Hiểu một cách giản-dị: Tất cả những nghiệp-nhơn hiện tại nếu là thiện, tốt, nhất định sẽ là phát lực thành những sự tốt đẹp ở thân sau, cũng như những nhân xấu xa hiện-tại sẽ ảnh-hưởng khổ sở tương-lai.

## IV — Phật-tử với giáo thuyết luân-hồi

Giáo thuyết luân-hồi không những chỉ là một thật-sự do thật-chứng của đức Phật, về phương-diện luân-lý, xã-hội, nó lại là một đức sáng đẹp-dẽ, hướng đạo nhân-sinh trong sự cải tạo-sanh mạng, xây đắp hoàn-cảnh đến chỗ chân, thiện, mỹ.

Đề làm tiêu-chuẩn cho sự tu-thân trị-thế, người Phật-tử luôn luôn đặt giá-trị cao-quí, xây đắp hạnh-phúc vào giòng sanh mạng vô tận, không nông nổi nhỏ hẹp, không tìm cầu thiết-tha với những hình ảnh bèo-bọt, không nô-lệ cho những thú-tánh tạm thời. Nếu mọi người đã vì nó mà phải tán tận lương tâm, gây nên đồ thán, thì nó là những phương tiện, những nhịp cầu rắt thang đề bước lên của người Phật-tử.

Trong sự chuyển-dịch vô cùng của sanh mạng, Phật-tử phủ nhận sự ngẫu-nhiên, hay ý lại vào một sức thần bí hoặc ở kẻ khác, tránh xa mọi tư-tưởng thụ-động bất công, mà luôn luôn cố gắng cải tân với khả năng tự hữu, đề gây thành sức sống giá-trị ở hiện-tại, tương-lai dần dần trừ bỏ những nguyên nhân xấu-xa và nghiệp-lực chính cho sự sanh tử luân-hồi, thâu thập điều hữu ích, thuận lợi cho sự giải-thoát ngày mai.

Thoát luân-hồi sanh-tử đề được giải-thoát tự-tại là nguyên vọng tối cao của Phật-tử.

### PHẬT-GIÁO PHỒ-THÔNG

#### LỜI PHẬT DẠY

Ông Cư sĩ Cấp có độc hỏi đức Phật rằng : « Người mới học đạo lập hạnh nào đầu cả » ? Phật dạy : « Trước tập giữ năm giới và quy y Tam Bảo. Sao gọi là năm giới ? Một là từ tâm không sát hại ; hai là thanh liêm không trộm cắp ; ba là trinh lương, trong sạch không nhiễm ; bốn là tánh hòa không luống dối ; năm là chí mình không cuồng loạn. Sao gọi là quy y Tam Bảo ? Một là quy y Phật, đấng chánh chơn vô thượng ; hai là qui y Pháp, tự chế ngự tâm ; ba là quy y Tăng, thánh chúng tối thắng ».

*Diễn đạo tục nghiệp kinh.*

## Những nét chính của sự Giáo - dục THIỆU - NHI PHẬT - TỬ

HƯƠNG-THIỆN

Vấn đề giáo-dục Thiểu nhi Phật-tử hiện nay còn là một vấn đề mới lạ, chưa phổ cập và còn trong thời kỳ kinh-nghiệm. Từ trước đến nay, chúng ta phải công nhận rằng đạo Phật ở Việt-nam chỉ nằm trong phạm vi tôn-giáo và dành riêng cho người lớn. Các em nhỏ có lên chùa là chỉ vâng lệnh cha mẹ làm lễ quy-y mà không được hiểu Phật, Pháp, Tăng là gì? Có nhiều em được thọ pháp quy-y từ lúc mới đẻ, mà trọn đời không biết vị Bồ-đề sư của mình là ai, đạo Phật là gì, thậm chí đến lúc lớn tuổi bỏ đạo Phật theo đạo khác mà cũng chẳng biết như thế là mình tự mâu thuẫn với chính mình.

Ngày nay chúng ta cần đặt vấn đề thiểu-nhi trên một địa hạt mới. Đạo Phật đã là đạo của mọi loài, mọi người, thời đạo Phật cũng phải là đạo của thiểu nhi, đạo của tuổi trẻ. Đức Phật đã hóa độ cho La-Hầu-La với 500 Thiểu-nhi, đã nhận lãnh sự cúng dường của một em bé đang chơi đất bên vệ đường, đã thuyết Thiểu-niên kinh, cũng đủ chứng tỏ đạo Phật dành một địa-vị chẳng phải nhỏ cho tuổi trẻ. Huống nữa đạo Phật là gì nếu không phải là một phương tiện cải tạo tâm tánh, cải tạo hoàn cảnh, giáo-hóa chúng sanh, mà đã nói đến cải tạo, đến giáo hóa tức là nói đến giáo-dục, nói đến huấn luyện rồi vậy. Tám vạn bốn ngàn pháp môn Phật dạy có thể xem như tám vạn bốn ngàn phương tiện giáo-dục, bao trùm tất cả căn cơ và ứng dụng cùng khắp thời gian và quốc độ. Chính ở nơi đây, chúng ta thấy rõ rằng vấn-đề giáo-dục Thiểu nhi phụ thuộc một quan điểm vô cùng quan-trọng là hợp thời và hợp cơ. Đem những pháp môn của người lớn ứng dụng trong thời đại cổ sơ mà giáo-dục các em tức là đầu độc các em; trái lại dựa vào một phương-pháp giáo-dục ở đời, sơn lên một màu sắc Phật giáo mà huấn luyện các em tức là phản với tinh-thần Phật-giáo.

Nếu chúng ta hiểu rằng Thiếu nhi Phật-tử gồm các em Thiếu niên, Thiếu-nữ từ 8 tuổi đến 17 tuổi, mỗi em mỗi tánh, mỗi hoàn cảnh khác nhau, bên nam bên nữ tánh tình nhiều khi trái ngược thì thấy rõ vẫn đi giáo-dục Thiếu-nhi thật rất phức tạp khó khăn.

Dưới đây là một vài ví dụ: Các em diễm kịch để vui với nhau, mâu kịch diễn tả sự sai khác giữa một em Thiếu-nhi vô giáo-dục và một em gọi là có giáo dục. Các em diễm kịch có tài đến nỗi phải ghét và mỉa mai em Thiếu nhi vô giáo dục, thành thử vô tình các em phản trái tinh-thần khoan hòa từ bi của đạo Phật. Một hôm chúng tôi mời một Phật tử đến xem các em họp: Sự vui chơi của các em trước giờ họp khiến cho vị ấy không bằng lòng, òa vì thương các em, vị ấy dạy cho các em một bài học luân-lý rất dài và rất khỗ tâm cho các em. Lời dạy ấy như một gáo nước lạnh đổ trên đầu các em và lẽ dĩ nhiên, buổi họp tiếp liền đây hóa thành khô khan và tẻ lạnh. Sau đây là sự khôn khéo của một anh trưởng. Một hôm anh dẫn các em lên chùa, tình cờ tìm được trong sân chùa cách xa mặt đất độ một thước tây, một ổ chim nhỏ có mấy cái trứng xinh-xắn. Lập tức anh kêu các em vây quanh lại và gọi cho các em so sánh vì sao ở nhà các em các loài chim lại không làm tổ sát đất trong nhà như vậy và chính tình nhiên các em nhận được ở nơi các vị tăng-già trong chùa, hình ảnh của một lòng từ bi rộng rãi phát sinh từ đấng Từ-phụ của muôn loài và muôn đời.

Anh kết luận bằng một câu chuyện đạo: Về thời Phật còn ở đời, một hôm có con chim sẽ bị một con chim diều hâu đuổi bắt, hoảng sợ bay vào Tinh-xá Phật ở và nép mình sau bóng ụng A-Nan, nhưng con chim vẫn còn run sợ, sau bay vào nép trong bóng đức Phật thì con chim trấn tĩnh được ngay. Anh đề các em tự tìm hiểu và một em trả lời rất mau lẹ rằng. « Vì đức Phật nhiều đời nhiều kiếp đã thương xót và cứu độ cho tất cả chúng sanh, vì đức Phật đã quá từ-bi » Sau một buổi giảng về từ-bi, một em Thiếu nhi Phật tử đứng dậy thưa: « Chúng em thua Thiếu-niên về phương diện gì thì chưa biết, nhưng một điều mà chúng em có thể tự hào là chúng em già lòng từ-bi hơn Thiếu niên nhiều, « Chúng tôi cười và trả lời: » « Các em còn tự hào già lòng từ-bi hơn thì chưa chắc ai từ-bi hơn ai? Em ấy le lưỡi rồi cười, nụ cười của một em trẻ đã hiểu được một vài phần lòng từ-bi vô cùng tận của đạo Phật. »

Mục đích của đoàn Thiếu-nhi Phật tử là hướng dẫn các em Thiếu nhi Phật tử sống đúng theo tinh thần Phật giáo để ứng dụng vào đời sống hằng ngày của các em. Ở nơi đây chúng ta thấy rõ một sự hoà hợp cần thiết giữa đời và đạo, và tất cả nghệ thuật hướng dẫn toàn là nơi sự dung hòa khéo léo giữa đạo và đời. Thiên về đạo nhiều, các em trở thành những tin đồ rất thuần thành nhưng mất hết màu sắc của tuổi trẻ và rất dễ ngờ lơng giữa cuộc đời phức tạp khó khăn; Thiên về đời nhiều, các em đi xa chơn tinh thần Phật giáo, không hưởng được một lợi ích thiết thực gì đối với Pháp môn sâu xa và huyền diệu ở đạo Phật và điều đáng phàn nàn nhất là tuy mang danh một Phật tử mà phải đi ngược con đường giải thoát và giác ngộ của đạo Phật. Chính vấn đề huynh trưởng nghĩa là vấn đề đào tạo những anh, những chị trưởng hướng dẫn các em, làm chúng tôi băn-khoăn lo ngại nhất. Một anh chị trưởng đủ khả năng điều khiển các em, phải là người hiểu đạo Phật một phần nào, và hiểu cách ứng dụng đạo Phật trong sự giáo dục các em. Hiểu đạo Phật đã khó lắm rồi, hiểu cách ứng dụng lại khó khăn hơn nhiều. Các anh các chị ấy lại phải là người hiểu tâm lý các em, giỏi nghề điều khiển và biết thương các em. Ba mươi hai em, từ 4 phương xa lạ, chung hợp trong một đoàn, mỗi em mỗi tánh, mỗi sức học, mỗi hoàn cảnh gia đình khác nhau, nếu không được một Anh, một chị trưởng giỏi khoa tâm lý và biết điều khiển thì chỉ trở thành một tổ chức hỗn tạp lộn xộn, một tổ chức vô tổ chức. Đây chưa nói đến vấn đề đức hạnh: một chị trưởng lo mặc áo cho đẹp, lo trang điểm cho nhiều không thể giáo dục các em; một anh trưởng học kém và thích đi dạo phố không có em nào nghe theo được cả. Đây cũng chưa nói đến sự hy sinh lặng lẽ của các anh, các chị vì có thành thực thương các em, thành thực lo cho tương lai các em, mới có đủ can đảm mà đảm nhận cái nghề rất bạc bẽo, là làm anh, chị trưởng một đoàn Thiếu-Nhi Phật Tử. Một bên những sự khó khăn về vấn đề nghệ thuật điều khiển, về vấn đề huynh-trưởng, còn một vấn đề cũng không kém phần quan trọng là vấn đề hoàn cảnh, vấn đề thành kiến. Như chúng tôi đã nói trên, vấn đề giáo dục Thiếu nhi Phật Tử là một vấn đề mới lạ và còn trong thời kỳ kinh nghiệm. Những thành kiến đối với đạo Phật, những sự nhận thức nông cạn của một số Phật tử là những trở ngại lớn cho chúng tôi Ngoài đời, thường kiến vẫn cho đạo Phật là mê tín, chán đời, hèn yếu, trở ngại cho sự tiến hóa vì vậy, họ ngó đoàn Thiếu Nhi Phật tử một cách e ngại ngờ vực. Một số Phật tử khác, thì chấp chặt những thành kiến của

mình đối với đạo Phật, và muốn bắt buộc mọi người đều phải đồng theo thành kiến ấy. Chúng tôi phải thú-thật rằng, cách mấy năm về trước, chúng tôi gặp sự phản đối nhiều hơn sự tán-thành, và điều mâu-thuẫn đáng phàn-nàn là những sự phản-đối ấy phần nhiều xuất-xứ tại nơi những Phật-tử gọi là thuận-thành nhất.

Chúng tôi giới thiệu sơ lược một vài nguyên tắc giáo dục thiếu nhi Phật tử và những sự khó khăn chúng tôi đã gặp trên đây, để những ai có quan tâm đến vấn đề giáo dục hiểu cho rằng, sự áp dụng đạo Phật trong việc giáo dục các em không phải là dễ dàng, mà thật là phức tạp khó khăn, cần nhiều kinh nghiệm, cần nhiều sáng suốt mới ứng dụng đúng đắn, khỏi sai lầm. Trước khi đi sâu vào vấn đề này, và trước khi giới thiệu cận kề nguyên tắc căn bản và phương pháp áp dụng, chúng tôi sẽ trình bày lịch trình tiến triển của các đoàn Thiếu Nhi Phật tử từ sự tổ chức Gia Đình Phật Hóa Phồ theo lối cũ, đến các đoàn Đông Âu Phật tử, Thanh Niên Phật tử cho đến sự tổ chức Gia Đình Phật hóa Phồ hiện đại, kết tinh của 6, 7 năm kinh nghiệm vừa qua.

Và dưới đây, chúng tôi xin bày tỏ một vài nguyên nhân khiến chúng tôi đem ra giới-thiệu vấn-đề giáo-dục Thiếu Nhi Phật Tử hôm nay :

1) Đối với những hàng Phật-Tử được nhờ ơn đạo Phật giáo hóa, chúng ta đều ân-hận chúng ta biết đạo Phật quá chậm, và vì vậy không được tận hưởng tất cả những sự lợi-ích thiết-thực của đạo Phật đối với đời sống của chúng ta. Chúng ta nghĩ đến hàng con em sau này, nếu được đạo Phật thấm-nhuần từ lúc nhỏ thì đời sống của hàng Phật tử tương-lai sẽ được tươi đẹp lợi-ích biết bao. Một phụ-huynh đã nói với chúng tôi « Các em lúc này được sung-sướng nhiều. Lúc trước chúng tôi lên Chùa mà rất ít được dịp học hỏi. Học trong kinh thì chúng tôi không biết chữ Hán, còn gặp Thầy dạy-dỗ thì rất hiếm. Hết sức mỗi lần lên chùa được lâu chuyện các Thầy trong 15 phút là nhiều, thành-thả phải cam-phận không biết đạo Phật là gì. Các em nay đã được học ngay đạo Phật bằng tiếng quốc văn, lại được học trong những bài ngắn dễ hiểu và trình-bày tuần-tự từ thấp lên cao từ dễ đến khó. » Vì vậy chúng tôi đem vấn-đề giáo-dục Thiếu-Nhi ra giới-thiệu để mọi người

có quan-tâm đến vấn-đề phò-cập đạo Phật đến tuổi trẻ có thể hiểu sơ lược những nguyên tắc căn-bản ứng dụng ngay với con cháu của mình.

2) Chúng ta đều nhận thấy rằng đời sống của con người càng ngày càng khó-khăn phức-tạp. Một người sống ra ở giữa đời này là bị muốn ngàn ảnh hưởng lôi-cuốn, mọi cách tuyên-truyền chinh-phục. Nếu con người không đủ sáng-suốt để chọn con đường phải, đủ nghị-lực để theo con đường ấy thì sẽ thành một mối nợ cho tất cả các-dò ở đời, và thành một đò vật ngoan-ngoãn thuộc quyền sử-dụng của những người manh-tâm. Đạo Phật không chú-trọng đào tạo những tín-đồ thuần thành cho đạo Phật, mà chỉ chú-trọng hướng dẫn mọi người sống giải-thoát, sáng-suốt lợi ích cho chính mình và cho mọi người. Đối với các em Thiếu-Nhi, tuy còn tuổi nhỏ, nếu không đào-tạo ngay cho các em ấy một căn-bản giáo-dục dựa trên nền tảng tri-huệ và từ-bi thì các tệ đàn anh sẽ phải chịu một phần trách-nhiệm nếu sau này các em phải sa ngã. Chúng tôi thường nói với các anh, các chị Đoàn-Trưởng: Các Anh, Chị em ra cầm đầu một Đoàn không phải là để đào tạo một nhóm Phật tử biệt-lập, đương đầu với một Đoàn thể khác không phải là đào tạo một nhóm tín-đồ tương-lai, triệt để mù quáng ủng hộ đạo Phật. Trách-nhiệm của Anh, Chị trưởng là hướng dẫn các em sống đúng với chân-tin của đạo Phật, sống sáng-suốt trong sạch và từ-bi: Sáng suốt là hiểu biết chọn chánh, trong sạch là giải-thoát mọi điều phiền não, từ-bi là sống ích-lợi cho mọi người, cho mọi loài, cho chính các em, cho chính gia-đình các em, Chính vì các em, vì tương lai của các em mà chúng tôi muốn trình-bày sơ-lược vấn-đề giáo-dục Thiếu-Nhi Phật-tử, với lòng trông mong một sự hưởng ứng chân-thành của những bậc phụ-huynh có lòng lo cho đàn trẻ hậu-tiến.

3) Đối với những Phật-tử thuần-thành chắc chúng ta muốn đào-tạo một lớp người tiêu-biểu xứng đáng cho chọn-tinh-thần Phật, giáo. Trong số các em hiện-nay theo đạo Phật, chúng ta vẫn hy vọng một số các em, sau khi được hiểu đôi chút về đạo Phật, tự phát-nguyện trọn đời sống hẳn theo đạo Phật và hy-sinh vì đạo Phật Ở trong tuổi các em đến với đoàn, chúng tôi không bao giờ nhồi sọ hoặc áp bức lòng tin của các em; trái lại chúng tôi để lòng tin ấy nảy nở một cách hồn nhiên, tùy theo tuổi, tùy theo tánh-tính, tùy theo trình độ hiểu biết. Cứ xem gương mặt các em Thiếu-niên Thiếu-nữ sống trong Đoàn cho đến những khi lễ Phật

chúng ta không bao giờ tìm thấy những cặp mắt say đắm, những điệu bộ e hìn muôi, những nét mặt lơ đãng hình dung những tâm hồn đắm đuối mê say vì đạo. Ở nơi đây, các em vẫn vui vẻ tươi cười, sống hồn nhiên dưới cặp mắt Từ-Hòa của đức Phật tử, nhẹ nhàng hít thở bầu không khí Hoà-thuận Tin-Yêu Vui-về phát sinh từ nguồn đạo sáng suốt, trong sạch và từ-bi. Sau này, nếu các em đủ sáng suốt tự nhận đạo Phật là hay, là đáng tôn kính, đáng tuân theo, thời sẽ tùy nguyện các em, do chính các em định đoạt lấy, chúng tôi không bao giờ lợi dụng lòng tin nhiệm các em đối với chúng tôi mà bắt buộc các em theo chúng tôi hoặc theo đạo Phật cả. Đó là vì chúng tôi tha thiết muốn sau này, các em trở thành những Phật tử chọn chánh nghĩa là những Phật tử Từ-bi sáng suốt, trong sạch.

4) Lễ thứ tư khiến chúng tôi trình bày vấn đề giáo dục Thiếu-niên Phật tử hôm nay là chúng tôi muốn được sự chỉ giáo sáng suốt của toàn thể độc-giả. Như chúng tôi đã nói trên, chúng tôi vẫn ở trong thời kỳ kinh nghiệm, chúng tôi vẫn còn trong thời kỳ đi tìm đường cho các em, chúng tôi rất cần sự chỉ giáo, sự khuyến khích của tất cả những Phật tử có quan tâm đến tương lai của các em, của tất cả những bậc lão thành trong vấn đề giáo dục. Trước khi nói đến những kinh nghiệm đã qua và giới thiệu cách tổ chức hiện tại của đoàn Thiếu-nhi Phật-tử chúng tôi xin ghi nơi đây công đức của tất cả những Phật tử, những vị hảo tâm đã khuyến khích, giúp đỡ chỉ giáo chúng tôi trên con đường hướng dẫn các em theo đạo Phật, từ tổ chức Gia Đình Phật Hóa Phổ; Đồng-ấu Phật-tử. Đoàn Thanh-niên Phật tử và Đoàn Thiếu-nhi Phật hiện tại. Chúng tôi cũng xin thay mặt các Phò-viên Gia-Đình Phật-Hóa Phổ Tâm Minh, Thanh Tĩnh, Sum Đoàn, Tâm Lạc, hướng thiện, các em Đồng Ấu Phật-tử, các anh chị thanh-niên Phật-tử, các em Thiếu-niên Thiếu-nữ Phật-tử hiện tại tỏ lòng biết ơn chọn thành đối với các anh các chị trưởng, các anh các chị Kiềm Ban Đồng-Ấu, người còn kẻ mắt, người lưu lạc phương xa, từ trước và mãi cho đến nay vẫn tận tụy trung thành với trách nhiệm gieo vãi Đạo Vàng vào em hồn trong trắng của tuổi trẻ.

# Người Tu-Nữ

TỔNG-ANH-NHỊ

Son phấn, mà người chẳng phấn son,  
 Lưỡi nòng pháp-vị, nhạt mùi ngon,  
 Áo đơn thanh-thoát màu hương khói,  
 Trí rạng bao la ánh nguyệt tròn !

Đào tơ, người lại chẳng tơ đào,  
 Cánh phượng, ai từng liệng chốn cao :  
 Người thử không gian sao bát-ngát,  
 Thời-gian vô-tận thử là bao !

Hoa mộng, nhưng người chẳng mộng hoa,  
 Hương từ xông ngát dây ca-sa,  
 Bao nhiêu châu ngọc cơm bình-bát,  
 Vun xới thành-tâm những bẫy nhà !

Vàng ngọc, người sao chẳng ngọc vàng,  
 Ngọc vàng thể-sự ngập sâu than  
 Lòng thương đem trải cùng thiên-hạ,  
 Lệ thấm người lau ức vạn hàng !

(Trích tập Thơ Phật)

# NHỮNG MẪU CHUYỆN ĐẠO

MINH-CHÂU

*Lòng quy ngưỡng Tam Bảo Phật, Pháp, Tăng không dành riêng cho loài người hay cho kẻ giàu sang. Những người nghèo khổ, những loài chim loài thú cũng biết cúng dường Tam Bảo, phát tâm hộ pháp. Dưới đây là hai mẫu chuyện đạo về lòng quy ngưỡng Tam Bảo.*

## I) Một bà già nghèo cúng đèn.

Một thời, đức Phật ở nước La duyet kỳ, tại núi Kỳ xá quật. Lúc bấy giờ, vua A-xà Thế-thỉnh đức Phật dự lễ trai tăng trong Hoàng cung. Sau khi thọ trai, đức Phật trở về Tinh xá Kỳ Hoàn, vua bèn hỏi Kỳ Bà rằng, « Ta thỉnh Phật thọ trai xong, nay không biết làm gì? » Kỳ Bà nói: « Ngài nên đem rất nhiều đèn để cúng dường Phật. » Vua liền sai chở một trăm thùng dầu về Tinh xá Kỳ Hoàn.

Có một bà già rất nghèo, có tâm chí thành muốn cúng dường đức Phật mà không có tiền. Bà thấy Vua A-xà-Thế làm công đức như vậy, rất lấy làm cảm kích. Bà đi xin được hai tiền liền đến nhà hàng mua dầu. Chủ hàng hỏi: « Bà rất nghèo túng xin được hai tiền, sao không mua đồ ăn mà lại mua dầu? » Bà già đáp rằng: « Tôi nghe ở đời gặp đức Phật rất khó, vạn kiếp mới được một lần. Tôi nay may mắn được sanh đời Phật, mà chưa có dịp cúng dường. Ngày nay tôi thấy Vua làm việc đại công-đức lòng rất cảm-kích. Tôi tuy cùng khổ, cũng muốn cúng dường một ngọn đèn để làm cầu nối cho đời sau. » Lúc bấy giờ người chủ quán cảm phục chí nguyện của bà già, liền dong thêm cho 3 tiền thành được năm tiền dầu. Bà đến trước đức Phật, thắp đèn lên, tự

ngửi dầu thắp không quá nửa đêm, bà phát nguyện rằng : « Nếu sau này tôi được chứng đạo như đức Phật thời ngọn đèn sẽ đốt suốt đêm và sáng tỏ khác thường. » Phát nguyện xong, bà lễ Phật rồi về.

Các ngọn đèn của Vua cúng dường, có ngọn tắt, có ngọn đổ, tuy có người săn sóc nhưng không được châu toàn. Riêng ngọn đèn của bà lão thì chiếu sáng hơn các ngọn đèn khác, suốt đêm không tắt, dầu lại không hao.

Trời sáng, đức Phật bảo ngài Mục-kiền-Liên rằng : « Trời đã sáng, hãy vào tắt các ngọn đèn. » Ngài Mục-kiền-Liên vâng lời, thử lớp tắt các ngọn đèn, nhưng riêng ngọn đèn của bà già thì tắt ba lần cũng không được, sau lấy áo cà-sa mà quạt, ngọn đèn lại đỏ rực rỡ hơn. Đức Phật bèn bảo rằng : « *Hãy dừng lại ! ngọn đèn ấy là hào quang công đức của một vị Phật tương lai, không thể lấy thân thối của người mà trừ diệt được.* »

Vua A-xà-Thế nghe nói như vậy liền hỏi Kỳ-Bà rằng : « Ta làm công đức rộng lớn như vậy mà đức Phật không thọ ký cho ta thành Phật, còn bà già kia chỉ thắp một ngọn đèn mà được thọ ký là có làm sao ? »

Kỳ-Bà đáp rằng : « Ngài cúng đèn tuy nhiều mà tâm không chuyên nhất, không bằng được tâm địa thuần thành của bà kia đối với đức Phật. »

(A-xà-Thế vương thọ quyết kinh)

## II) Voi chúa xả thân cúng dường người mặc áo pháp.

Về đời quá khứ, có Vua nước Ca-xà tên là Phạm Thọ bảo bọn Chiên Đà-La rằng : « Tại Tuyết Sơn có con Voi chúa trắng tên là Thanh-liên mục, đủ 6 ngà. Các người hãy lấy ngà về cho ta, nếu không được, ta sẽ giết các người. » Người Chiên đà La vì phải hộ thân nên cầm cung tên giả mặc áo cà sa, trá hình một vị Sa-môn đi đến chỗ ở của con Voi chúa. Lúc bấy giờ con voi mẹ thấy người này cầm cung tên

liền sợ hãi chạy vào nói với con Voi chúa rằng. « Mẹ có thấy một người cầm đồ săn bắn định vào đây, chắc sẽ giết hại chúng ta ». Con voi chúa ra xem, thấy một người mặc áo cà sa, râu tóc cạo sạch, liền nói bài kệ với mẹ rằng :

« Người mặc áo cà sa, là biểu tượng Phật Pháp »

« Rồi các niệm tà ác, không giết hại chúng sanh »

Con voi mẹ lấy bại tụng đáp rằng :

« Tuy mặc áo Phật Pháp, Mà chấp giữ cung tên »

« Chính là Chiên Đà La, Độc ác không từ tâm »

Voi chúa liền đáp rằng :

« Thấy một tướng Cà Sa, Biết chính gốc Từ Bi »

« Là người quy y Phật, từ niệm các chúng sanh »

« Chớ có sanh lòng nghi, Nên sớm nhiếp thân tâm »

« Người mặc áo pháp kia, Muốn qua bể sanh tử »

Người Chiên Đà La liền lấy tên độc, nhắm bắn trúng tim con Voi chúa. Voi mẹ thấy như vậy liền la rống lên, khóc lóc rất thảm thiết nghẹn ngào đau đớn nói bài kệ rằng :

« Người mặc áo pháp kia, Lẽ phải quy y Phật »

« Oái ngùi tuy tịch tịnh, Mà ôm lòng độc ác »

« Nên sớm đạp chà đi, Khiến đoạn trừ thân mạng »

« Giết sạch cho oán hết, Vì dâm hại Voi chúa »

Voi chúa liền nói rằng :

« Thà sớm bỏ thân mạng, Chớ có sanh ác tâm »

« Người kia tuy gian trá, Cũng là đệ tử Phật »

« Kẻ trí không tiếc thân, luôn giữ tâm thanh tịnh »

« Vì độ loài hữu tình, Thường tập hạnh Bồ Đề »

Lúc bấy giờ con Voi chúa phát tâm từ bi, hỏi nhỏ người kia rằng : « Ông cần điều gì ? Người kia đáp : « Tôi cần lấy những thớt ngà của người !

Voi chúa liền hoan hỷ, tự nhổ lấy ngà bố thí cho vị Chiên đà la và nói bài kệ rằng :

« Tôi lấy ngà trắng thí cho người »

« Không tức, không giận, không tham tiếc »

« Nguyên nhờ phước này, sẽ thành Phật »

« Diệt bệnh phiền não cứu chúng sanh. »

KINH ĐỊA TẠNG THẬP LUẬN.